

Bản án số: 66/2017/DS-ST
Ngày: 11-8-2017
V/v tranh chấp nợ hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mười.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.
2. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2017/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn C(Phạm Hoàng Đ), sinh năm 1954. Địa chỉ: khu phố M, phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972. Địa chỉ: khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông Ch có mặt; chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 10/8/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Nguyên trước đây bà có tham gia chơi 01 dây hụi , gồm có 02 phần do cô Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi. Khởi khui vào ngày 10/01/2016AL, mệnh giá 3.000.000đồng, dây hụi gồm 22 phần, đóng hụi sống được 12 phần. Đến kỳ thứ 13 thì cô H ngưng khui hụi và cô tuyên bố vỡ hụi và đến ngày 25/02/2017 cô H có viết giấy xác nhận nợ hụi chết cho tôi với số tiền là 72.000.000đồng. Do cô H vỡ hụi nên tôi khởi kiện cô H để yêu cầu Tòa án buộc cô Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc Ch trả lại cho tôi số tiền là 72.000.000đồng theo như đơn khởi kiện ngày 21/4/2017, sau đó vào ngày 16/6/2017 tôi có làm đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện chỉ yêu cầu một mình cô Nguyễn Mỹ H trả lại cho tôi số tiền 72.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 10/8/2017, cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Mỹ H có lời trình bày:

Chị thừa nhận là trước đây chị có làm chủ hội, ông Phạm Văn C là hội viên, năm 2016AL chị tuyên bố vỡ hội, hiện chị còn nợ ông C số tiền 72.000.000đồng. Do chị bận công việc nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị, chị cam đoan sẽ không có khiếu nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Mỹ H là bị đơn Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để công bố chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng chị H không đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho chị H tại nhà chị lần thứ hai, đến ngày 10/8/2017 thì chị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Phạm Văn C khởi kiện bị đơn chị Nguyễn Mỹ H. Hiện nay, chị Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972, có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại số 52B3, khu phố 4, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn ông C yêu cầu chị Nguyễn Mỹ H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 72.000.000đồng (*Bảy mươi hai triệu*) đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngày 16/6/2017 thì ông C có đơn xin rút lại yêu cầu ông Ch cùng trách nhiệm liên đới trả lại số tiền nêu trên cho ông C, nên Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Ngọc Ch theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo giấy xác nhận nợ ngày 25/02/2017, yêu cầu của ông C là tranh chấp nợ hội được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 14 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

[4] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 21/02/2017, chị Nguyễn Mỹ H có lập giấy xác nhận nợ ông Phạm Văn C số tiền là 72.000.000(*Bảy mươi hai triệu*)đồng, việc góp hội hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng góp hội giữa ông Phạm Văn C và chị Nguyễn Mỹ H là có thật và hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C yêu cầu chị Nguyễn Mỹ H trả số tiền là 72.000.000(*Bảy mươi hai triệu*)đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đây vào ngày 10/8/2017 thì chị Nguyễn Mỹ H có làm đơn xin rút giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Bảo Q lại và sau đó chị làm đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt chị, trong đơn vắng mặt này chị H thừa nhận là hiện còn nợ ông C số tiền là 72.000.000đồng (*Bảy mươi hai triệu*) đồng. Căn cứ giấy xác nhận nợ ngày 25/02/2017 có chữ ký và họ tên của chị Nguyễn Mỹ H thì đã có đủ cơ sở để khẳng định ông Phạm Văn C đã tham gia góp hội do chị Nguyễn Mỹ H làm chủ hội tôi là hội viên, sau khi vỡ hội thì tôi và cô H

xác nhận hui chết cho tôi số tiền là 72.000.000đồng. Việc chị H không thực hiện giao tiền hui cho ông C là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui được quy định tại Điều 15 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Căn cứ giấy xác nhận nợ ngày 25/02/2017 của chị H thì có đủ cơ sở khẳng định ông Phạm Văn C đã tham gia góp hui do chị Nguyễn Mỹ H làm chủ hui với số tiền là 72.000.000đồng (*Bảy mươi hai triệu*) đồng. Do đó, ông Phạm Văn C đã khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Mỹ H phải thanh toán số tiền hui là 72.000.000đồng (*Bảy mươi hai triệu*) đồng là phù hợp quy định tại Điều 14 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

[6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C(Phạm Hoàng Đ) đối với chị Nguyễn Mỹ H về việc yêu cầu trả số tiền hui còn nợ lại là 72.000.000đồng (*Bảy mươi hai triệu*) đồng.

[7] Về lãi suất: Do các bên đương sự không có thỏa thuận lãi suất và ông Phạm Văn C không có yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Mỹ H phải chịu án phí là 5% của số tiền 72.000.000đồng x 5% = 3.600.000(Ba triệu sáu trăm nghìn)đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn C(Phạm Hoàng Đ) đối với bị đơn chị Nguyễn Mỹ H. Buộc chị Nguyễn Mỹ H có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Văn C số tiền là 72.000.000đồng (*Bảy mươi hai triệu*) đồng. Ghi nhận ông Phạm Văn C không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền trên nếu chưa thi hành thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong bản án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn C(Phạm Hoàng Đ) đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc Ch.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Chị Nguyễn Mỹ H phải chịu là 3.600.000(Ba triệu sáu trăm nghìn)đồng.

- Nguyên đơn ông Phạm Văn C có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa cũng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Công Chiến - Trịnh Ngọc Hồng

Huỳnh Thị Mười

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền- Lê Minh Thiện

Huỳnh Thị Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Trường Sơn